BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
TRƯỜNG ĐẠI HỌC ĐỒNG THÁP

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Chương trình đào tạo: Quản lý đất đai **Khoá đào tạo: 2026**
Trình độ đào tạo: Đại học **Hình thức đào tạo: Chính quy**
(Kèm theo Quyết định số 5300/QĐ-ĐHĐT ngày 03 tháng 9 năm 2026 của Hiệu trưởng Trường Đại học Đồng Tháp)

TT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	Giờ Tín Chỉ		HỌC PHẦN ĐIỀU KIỆN			TIẾN ĐỘ
				LT	TH	TQ	HT	SH	
A. Khối kiến thức giáo dục đại cương			**31**						
I. Ngoại ngữ (*)				*Theo QĐ số 6116/QĐ-ĐHĐT, ngày 25/9/2025*					
II. Tin học (*)									
III. Giáo dục quốc phòng (*)			**11**						
1	GE4165	Đường lối quốc phòng và an ninh của Đảng Cộng sản Việt Nam*	3	45					Học tập trung năm I
2	GE4150	Công tác quốc phòng, an ninh*	2	30			GE4165		
3	GE4166	Quân sự chung*	2	14	16		GE4165		
4	GE4167	Kỹ thuật chiến đấu bộ binh và chiến thuật*	4	4	56		GE4165		
IV. Giáo dục thể chất (*)			**3**						
4.1. Học phần thể chất bắt buộc			2						
5	GE4306	Giáo dục thể chất 1*	1		30				1
6	GE4334	Giáo dục thể chất 2 (Bơi lội)*	1		30		GE4306		2
4.2. Học phần thể chất tự chọn			1						
7	GE4335	Bóng đá*	1		30		GE4306		3
8	GE4336	Bóng chuyền*	1		30		GE4306		3
9	GE4337	Cầu lông*	1		30		GE4306		3
10	GE4338	Võ thuật Vovinam*	1		30		GE4306		3
11	GE4339	Võ thuật Karatedo*	1		30		GE4306		3
12	GE4340	Cờ vua*	1		30		GE4306		3
13	GE4347	Pickleball*	1		30		GE4306		3
V. Đại cương chung			**17**						
14	RE4500	Nhập môn ngành quản lý đất đai	1	15					1
15	GE4091	Triết học Mác - Lênin	3	45					1
16	GE4039N	Pháp luật Việt Nam đại cương	3	45					1
17	AI4450	Nhập môn Công nghệ số và ứng dụng AI	2	30					2
18	GE4092	Kinh tế chính trị Mác - Lênin	2	30			GE4091		2
19	GE4093	Chủ nghĩa xã hội khoa học	2	30			GE4092		3
20	GE4056	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	30			GE4092		4
21	GE4094	Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam	2	30			GE4092		5
B. Khối kiến thức giáo dục chuyên nghiệp			**104**						
I. Kiến thức cơ sở ngành			**13**						
22	RE4505N	Trắc địa	4	45	30				1
23	RE4132P	Quản lý nhà nước về đất đai	3	45					1
24	RE4010	Môi trường và quản lý tài nguyên TN	3	30	30				2
25	RE4504	Phương pháp nghiên cứu khoa học ngành quản lý đất đai	3	30	30				3
II. Kiến thức chuyên ngành			**68**						
2.1. Kiến thức chuyên ngành bắt buộc			**51**						
26	RE4507	GIS và ứng dụng trong Quản lý đất đai	4	45	30				1
27	RE4506N	Ứng dụng viễn thám trong Quản lý đất đai	3	30	60				2
28	RE4117	Kỹ thuật bản đồ địa chính	3	45	30				2
29	RE4502	Quy hoạch sử dụng đất	3	30	30				2
30	RE4260	Khoa học về thay đổi sử dụng đất	3	30	30				2
31	RE4508	Hồ sơ địa chính	3	30	30				2
32	RE4457N	Thống kê - kiểm kê đất đai	2	30	30				2
33	RE4020P	Đo đạc địa chính	3	30	30				3
34	RE4231	Thủ tục hành chính trong Quản lý đất đai	2	30	30				3
35	RE4264N	Phương pháp điều tra và thống kê thông tin đất đai	3	30	30				3
36	RE4422	Đăng ký đất đai và Cấp giấy chứng nhận	3	30	30				3
37	RE4241N	Giải phóng mặt bằng	3	30	30				4
38	RE4134N	Quản lý thông tin đất đai	3	30	30				4
39	RE4413	Tin học chuyên ngành Quản lý đất đai	3	15	30				4
40	RE4109D	Định giá đất	2	30	30				4
41	RE4609	Thanh tra, giải quyết tranh chấp và khiếu nại về đất đai	2	35	20				4
42	RE4414	Quản lý tài chính về đất đai	3	45					5
43	RE4603	Quản lý đất đai thích ứng biến đổi khí hậu	3	30	30				5
2.2. Kiến thức chuyên ngành tự chọn			**17**						

TT	MÃ HP	TÊN HỌC PHẦN	SỐ TC	Giờ Tín Chỉ		HỌC PHẦN ĐIỀU KIỆN			TIẾN ĐỘ
				LT	TH	TQ	HT	SH	
44	RE4462	Quản lý tài nguyên đất và bảo tồn đa dạng sinh học	2	20	20				3
45	RE4129	Quản lý công trình xây dựng đô thị	2	30					3
46	RE4262	Đánh giá chất lượng đất đai và bảo tồn tài nguyên đất	3	30	30				3
47	RE4244	Sai số và xử lý sai số trong trắc địa	2	15	30				3
48	RE4604	Kinh tế-Sinh thái đất đai	3	30	30				4
49	RE4464N	Hợp đồng giao dịch nhà, đất	3	30	30				4
50	RE4456N	Trắc địa công trình	3	30	30				4
51	RE4261	Quản lý và sử dụng đất nông nghiệp bền vững	3	30	30				5
52	RE4417	Chính sách bồi thường hỗ trợ và tái định cư	2	30					5
53	RE4605	Quản lý dự án và thiết kế cảnh quan đô thị	3	30	30				5
54	RE4266N	Hệ thống định vị toàn cầu	3	30	30				5
55	RE4606	Blockchain và ứng dụng trong QLĐĐ	3	35	20				6
56	RE4458	Quy hoạch đô thị và nông thôn	3	30	30				6
57	RE4263N	Mô hình dự báo trong quản lý tài nguyên đất	3	30	30				6
58	RE4454N	Tiếng Anh chuyên ngành Quản lý đất đai	3	35	20				7
III. Khối kiến thức tập nghề nghiệp			**13**						
59	RE4491M	Thực tập cơ sở	3		90				6
60	RE4022	Thực địa quản lý đất đai	2		50				6
61	RE4444N	Khởi nghiệp quản lý đất đai	2	10					7
62	RE4698M	Thực tập tốt nghiệp	6	30	180				7
IV. Đồ án tốt nghiệp/Học phần thay thế			**10**						
4.1. Đồ án tốt nghiệp			10						
63	RE4292M	Đồ án tốt nghiệp	10		300				8
4.2. Học phần thay thế Đồ án tốt nghiệp			**10**						
64	RE4607	Chuyên đề hành chính về đất đai	4	45	30				8
65	RE4608	Chuyên đề quy hoạch và quản lý sử dụng đất	3	30	30				8
66	RE4609	Chuyên đề đo đạc, bản đồ	3	30	30				8
TỔNG SỐ TÍN CHỈ TOÀN KHÓA			**135**	1638	2032				
Tổng số tín chỉ tích luỹ:			121						
Tổng số tín chỉ điều kiện:			14						
Tổng số tín chỉ bắt buộc:			104						
Tổng số tín chỉ tự chọn:			17						